

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1095/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 01 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng và Khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Phú Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định số 2318/QĐ-BYT ngày 06/4/2018 và Quyết định số 2510/QĐ-BYT ngày 17/4/2018 về việc công bố thủ tục hành chính của Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 950/TTr-SYT ngày 16/5/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 09 thủ tục hành chính gồm: Lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng 05 thủ tục, Khám bệnh, chữa bệnh 04 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ 03 thủ tục hành chính trong lĩnh vực An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng tại Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Đình Phùng

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC TRONG LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC THẨM VÀ DINH DƯỠNG VÀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH THÂM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ YÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI:

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng						
01	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	07 ngày làm việc	Nộp trực tiếp tại Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, địa chỉ 93 Trần Hưng Đạo, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên hoặc qua đường bưu điện, hệ thống dịch vụ công trực tuyến	1.500.000 đồng/1 sản phẩm	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội. - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ. - Thông tư 279/TT-BTC ngày 14/11/2016 Bộ Tài chính.	- Những nội dung còn lại của TTHC thực theo Quyết định số 2318/QĐ-BYT ngày 06/4/2018 của Bộ Y tế đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC
02	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	07 ngày làm việc	Nộp trực tiếp tại Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, địa chỉ 93 Trần Hưng Đạo, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên hoặc qua đường bưu điện, hệ thống dịch vụ công trực tuyến	1.500.000 đồng/1 sản phẩm	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội. - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ. - Thông tư 279/TT-BTC ngày	

					14/11/2016 của Bộ Tài chính.	
03	Xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	10 ngày làm việc	Nộp trực tiếp tại Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, địa chỉ 93 Trần Hưng Đạo, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên hoặc qua đường bưu điện, hệ thống dịch vụ công trực tuyến	1.200.000 /lần/1 sản phẩm	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội. - Luật quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/6/2012 của Quốc hội. - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 - Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ Y tế - Nghị định số 100/2014/NĐ-CP ngày 06/11/2014 của Chính phủ. - Thông tư 279/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	
04	Kiểm tra nhà nước về an	03 ngày	Nộp trực tiếp tại Chi cục	1.500.000	- Nghị định số	

	toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường	làm việc	An toàn vệ sinh thực phẩm, địa chỉ 93 Trần Hưng Đạo, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên hoặc qua đường bưu điện, hệ thống dịch vụ công trực tuyến	đồng/lô hàng + (số mặt hàng x 100.000 nghìn đồng) tối đa 10.000.000 đồng/lô hàng	15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính.
05	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt	07 ngày làm việc	Nộp trực tiếp tại Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, địa chỉ 93 Trần Hưng Đạo, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên hoặc qua đường bưu điện, hệ thống dịch vụ công trực tuyến	1.500.000 đồng/lô hàng + (số mặt hàng x 100.000 nghìn đồng) tối đa 10.000.000 đồng/lô hàng	- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ.

II. Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh

1	Cấp Giấy chứng nhận sức khỏe cho thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định tại Phụ lục số I	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp khám sức khỏe thuyền viên đơn lẻ: trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi kết thúc việc khám sức khỏe thuyền viên, trừ những trường hợp phải khám hoặc xét nghiệm bổ sung theo yêu cầu của người thực hiện khám sức khỏe thuyền viên; - Đối với trường hợp khám sức khỏe thuyền viên tập thể theo hợp đồng: trả Giấy khám sức khỏe thuyền viên, Sổ khám sức khỏe thuyền viên định kỳ cho người được khám sức khỏe thuyền viên theo thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng. 	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cho thuyền viên	Nộp phí theo mức phí thu viện phí hiện hành	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25/11/2015 - Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế - Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 - Thông tư 	<ul style="list-style-type: none"> - Những nội dung còn lại của TTHC thực theo Quyết định số 2510/QĐ-BYT ngày 17/4/2018 của Bộ Y tế đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về TTHC
---	--	--	--	---	--	--

					số 22/2017/TT-BYT ngày 12/5/2017 của Bộ Y tế
2	Cấp Giấy chứng nhận sức khỏe cho thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định tại Phụ lục số I nhưng mắc một hoặc một số bệnh, tật quy định tại Phụ lục số II	- Đối với trường hợp khám sức khỏe thuyền viên đơn lẻ: trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi kết thúc việc khám sức khỏe thuyền viên, trừ những trường hợp phải khám hoặc xét nghiệm bổ sung theo yêu cầu của người thực hiện khám sức khỏe thuyền viên; - Đối với trường hợp khám sức khỏe thuyền viên tập thể theo hợp đồng: trả Giấy khám sức khỏe thuyền viên, Sổ khám sức khỏe thuyền viên định kỳ cho người được khám sức khỏe thuyền viên theo thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng.	Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Nộp phí theo mức phí thu viện phí hiện hành	- Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25/11/2015 - Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế - Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 - Thông tư số 22/2017/TT-BYT ngày 12/5/2017 của Bộ Y tế
3	Khám sức khỏe định kỳ đối với thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam	Theo thỏa thuận trong hợp đồng	Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Theo hợp đồng ký kết	- Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25/11/2015 - Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế - Nghị định số

					109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 - Thông tư số 22/2017/TT- BYT ngày 12/5/2017 của Bộ Y tế
4	Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cho thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Không có	- Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25/11/2015; - Thông tư số 14/2013/TT- BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế - Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 - Thông tư số 22/2017/TT- BYT ngày 12/5/2017 của Bộ Y tế

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ:

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
Lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng		
1	Cấp giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với sản phẩm đã có qui chuẩn kỹ thuật dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Được công bố tại Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh

2	Cấp lại giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy và giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế tỉnh	
3	Cấp giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bên thứ nhất) thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	